

1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương của Việt Nam hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT) đăng ký xét tuyển vào trường;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Đáp ứng các điều kiện khác của Quy chế Tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD-ĐT), Quy chế tuyển sinh của Trường Đại học Hà Tĩnh.

2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong nước và quốc tế.

3. Phương thức tuyển sinh

Năm 2024 Trường Đại học Hà Tĩnh dự kiến tuyển sinh theo các phương thức tuyển sinh sau:

- 3.1. *Phương thức 1:* Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (Mã 100);
- 3.2. *Phương thức 2:* Xét tuyển kết quả học tập lớp 11 hoặc lớp 12 THPT (Mã 200);
- 3.3. *Phương thức 3:* Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (Chứng chỉ IELTS; Chứng chỉ HSK) (Mã 409);
- 3.4. *Phương thức 4:* Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức; đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức để xét tuyển (Mã 402);
- 3.5. *Phương thức 5:* Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (Mã 411);
- 3.6. *Phương thức 6:* Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (theo điều 8, quy chế tuyển sinh) (Mã 301).

4. Nguyên tắc xét tuyển

- Thí sinh cần đáp ứng các điều kiện chung của quy chế tuyển sinh (ở mục 1);
- Thí sinh được đăng ký không giới hạn nguyện vọng (NV) theo mã ngành của Trường và phải xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp (NV1 là nguyện vọng ưu tiên cao nhất). Thí sinh chỉ trúng tuyển 1 NV cao nhất mà Trường xét tuyển khi đủ điều kiện và không được xét các NV tiếp theo khi đã trúng tuyển NV ưu tiên cao nhất;
- Xét tuyển theo mã ngành, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự NV giữa các thí sinh;
- Xét tuyển theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân;
- Nếu xét tuyển cho mỗi đối tượng chưa đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại chuyển sang cho đối tượng khác;

- Nếu vượt quá chỉ tiêu, các thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì điểm trung bình học tập lớp 12 (ĐTB12) của thí sinh nào cao hơn được xét trước.

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học và phải nhập học trong thời hạn quy định theo thông báo của Trường. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và kết quả trúng tuyển sẽ bị hủy để chuyển chỉ tiêu cho đối tượng khác.

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng

5.1. Đối với ngành đào tạo thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên ở các trình độ đại học, cao đẳng

a) Xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024: căn cứ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD-ĐT, trường xây dựng phương án xét tuyển và công bố trên trang thông tin điện tử của trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD-ĐT.

b) Xét tuyển dựa trên tổ hợp các môn học ở THPT

Đối với trình độ đại học, xét tuyển học sinh đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

5.2. Đối với các ngành khác

- Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập năm lớp 11 hoặc 12 THPT: điểm trung bình cộng của các môn học thuộc tổ hợp môn xét tuyển không nhỏ hơn 6.0.

5.3. Xét tuyển người nước ngoài vào học chương trình đại học

- Văn bằng tốt nghiệp tối thiểu tương đương văn bằng tốt nghiệp THPT của Việt Nam theo quy định pháp luật của Việt Nam hoặc các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước gửi lưu học sinh là thành viên đối với từng cấp học và trình độ đào tạo;

- Có chứng nhận Tiếng Việt hoặc đã tốt nghiệp các cấp học ở giáo dục phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ bằng tiếng Việt hoặc hoàn thành chương trình dự bị tiếng Việt.

- Lưu học sinh phải có đủ sức khỏe để học tập tại Việt Nam.

6. Các thông tin cần thiết khác

6.1. Mã trường: HHT

6.2. Chỉ tiêu:

TT	Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	Giáo dục Tiểu học	7140202	35
2	Giáo dục Mầm non	7140201	30
3	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	30

TT	Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)
4	Sư phạm Toán học	7140209	30
5	Giáo dục Chính trị	7140205	20
6	Sư phạm Vật lý	7140211	20
7	Sư phạm Hóa học	7140212	20
8	Sư phạm Tin học	7140210	20
9	Quản trị kinh doanh	7340101	100
10	Tài chính - Ngân hàng	7340201	50
11	Kế toán	7340301	100
12	Luật	7380101	100
13	Khoa học môi trường	7440301	100
14	Công nghệ thông tin	7480201	50
15	Kỹ thuật xây dựng	7580201	40
16	Khoa học cây trồng	7620110	30
17	Kinh tế nông nghiệp	7620115	30
18	Thú y	7640101	30
19	Ngôn ngữ Anh	7220201	30
20	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	130
21	Chính trị học	7310201	30
22	QTDV Du lịch và Lữ hành	7810103	50

6.3. Thông tin về các phương thức xét tuyển.

6.3.1. Phương thức xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (Mã 100), xét kết quả học tập lớp 11 hoặc lớp 12 THPT (Mã 200): Xét theo tổ hợp bài thi/môn thi

Điểm xét tuyển = Tổng điểm 3 môn thi theo tổ hợp đăng ký xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có)

TT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp
1	Giáo dục Tiểu học	7140202	C04: Văn, Toán, Địa; C14: Văn, Toán, GDCD; B03: Toán, Sinh, Văn; D01: Văn, Toán, Anh

2	Giáo dục Mầm non	7140201	M00: Toán, Văn, NK(Độc diễn cảm-Hát); M01: Văn, NK1(Kể chuyện -Độc diễn cảm), NK2(Hát-Nhạc); M07: Văn, Địa, NK(Độc diễn cảm-Hát); M09: Toán, NK1 (Kể chuyện - Đọc diễn cảm); NK2 (Hát - Nhạc).
3	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	D01: Văn, Toán, Anh; D14: Văn, Sử, Anh; D15: Văn, Địa, Anh; D66: Văn, GDCD, Anh;.
4	Sư phạm Toán học	7140209	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh; B00: Toán, Hóa, Sinh
5	Giáo dục Chính trị	7140205	A00: Toán, Lý, Hóa; C00: Văn, Sử, Địa; C14: Văn, Toán, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh.
6	Sư phạm Vật lý	7140211	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh; C01: Văn, Toán, Lý
7	Sư phạm Hóa học	7140212	A00: Toán, Lý, Hóa; B00: Toán, Hóa, Sinh; C02: Văn, Toán, Hóa; D07: Toán, Hóa, Anh.
8	Sư phạm Tin học	7140210	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh; A09: Toán, Địa, GDCD.
9	Quản trị kinh doanh	7340101	A00: Toán, Lý, Hóa; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Văn, Toán, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh
10	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00: Toán, Lý, Hóa; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Văn, Toán, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh
11	Kế toán	7340301	A00: Toán, Lý, Hóa; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Văn, Toán, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh
12	Luật	7380101	A00: Toán, Lý, Hóa; C00: Văn, Sử, Địa; C14: Văn, Toán, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh

13	Khoa học môi trường	7440301	A00: Toán, Lý, Hóa; B00: Toán, Hóa, Sinh; B03: Toán, Sinh, Văn; D07: Toán, Hóa, Anh
14	Công nghệ thông tin	7480201	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh; A09: Toán, Địa, GDCD
15	Kỹ thuật xây dựng	7580201	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh; A09: Toán, Địa, GDCD
16	Khoa học cây trồng	7620110	A00: Toán, Lý, Hóa; B00: Toán, Hóa, Sinh; B03: Toán, Sinh, Văn; D07: Toán, Hóa, Anh
17	Kinh tế nông nghiệp	7620115	A00: Toán, Lý, Hóa; C14: Văn, Toán, GDCD; C14: Văn, Toán, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh
18	Thú y	7640101	A00: Toán, Lý, Hóa; A09: Toán, Địa, GDCD; B00: Toán, Hóa, Sinh; D07: Toán, Hóa, Anh
19	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01: Văn, Toán, Anh; D14: Văn, Sử, Anh; D15: Văn, Địa, Anh; D66: Văn, GDCD, Anh
20	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	C20: Văn, Địa, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh; D04: Văn, Toán, Trung; D66: Văn, GDCD, Anh
21	Chính trị học	7310201	A00: Toán, Lý, Hóa; C00: Văn, Sử, Địa; C14: Văn, Toán, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh
22	QTDV Du lịch và Lữ hành	7810103	A00: Toán, Lý, Hóa; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Văn, Toán, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh

6.3.2. Phương thức xét tuyển Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (Mã 409):

Điểm xét tuyển = Điểm quy đổi CCQT (theo bảng dưới) + Tổng điểm thi môn còn lại trong tổ hợp đăng ký xét tuyển (không bao gồm môn Ngoại ngữ) + Điểm ưu tiên (nếu có)

Bảng quy đổi chứng chỉ quốc tế:

Chứng chỉ IELTS	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0 – 9.0
Điểm Tiếng Anh	8.5	9.0	9.5	10	10	10	10

Chứng chỉ HSK	Cấp độ 3	Cấp độ 4 trở lên
Điểm Tiếng Trung	9.0	10

6.3.3. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; kết quả kỳ thi Đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức năm 2024 (Mã 402):

- Thí sinh có kết quả thi đánh giá năng lực (ĐGNL) do ĐHQG Hà Nội tổ chức:

*Điểm xét tuyển = Tổng điểm bài thi ĐGNL*30/150 + Điểm ưu tiên (nếu có)*

- Thí sinh có kết quả thi đánh giá tư duy (ĐGTD) do ĐH Bách khoa Hà Nội tổ chức:

*Điểm xét tuyển = Tổng điểm bài thi ĐGTD*30/100 + Điểm ưu tiên (nếu có)*

- Thí sinh có kết quả thi đánh giá năng lực (ĐGNL) do ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức:

*Điểm xét tuyển = Tổng điểm ĐGNL*30/1200 + Điểm ưu tiên (nếu có)*

Từ mục 6.3.1 đến 6.3.3: Điểm ưu tiên (nếu có) được tính theo công thức: Mức điểm ưu tiên thí sinh được hưởng = [(30 - tổng điểm đạt được của thí sinh)/7,5] x tổng điểm ưu tiên được xác định thông thường.

6.3.4. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (theo điều 8, quy chế tuyển sinh) (Mã 301)

a. Các ngành đào tạo sư phạm xét tuyển thẳng đối với các học sinh đã tốt nghiệp trường THPT chuyên của các tỉnh, thành phố vào các ngành phù hợp với môn học chuyên hoặc môn đoạt giải nếu đáp ứng điều kiện: Ba năm học THPT chuyên của tỉnh đạt học sinh giỏi hoặc đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi do cấp tỉnh trở lên tổ chức.

b. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải;

Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT, được ưu tiên xét tuyển vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải;

Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, nếu chưa tốt nghiệp THPT được bảo lưu đến hết năm tốt nghiệp THPT;

c. Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

d. Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học: Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ trưởng Bộ GDĐT để xem xét, quyết định cho vào học;

e. Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2021; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ được xem xét, Hiệu trưởng quyết định cho vào học;

Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 (một) năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do hiệu trưởng quy định;

f. Người có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên; người có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá có ít nhất 2 (hai) năm làm việc theo chuyên ngành hoặc nghề đã được đào tạo, đáp ứng quy định tại Điều 5 của Quy chế tuyển sinh được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

g) Người đoạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế, nếu có bằng tốt nghiệp THPT hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành thì được tuyển thẳng vào trường để học ngành, nghề phù hợp với nghề đã đoạt giải.

7. Tổ chức tuyển sinh

7.1. Hồ sơ xét tuyển

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 11 hoặc 12 THPT

+ Phiếu đăng ký xét tuyển (Phụ lục 1);

- + Bản sao có công chứng học bạ THPT;
- + Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2024);
- Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT
- + Phiếu đăng ký xét tuyển (Phụ lục 2).
- + Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024
- + Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2024);
- Các phương thức xét tuyển còn lại
- + Phiếu đăng ký xét tuyển (Phụ lục 3).
- + Các giấy tờ liên quan đến phương thức xét tuyển.
- + Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2024);

7.2. Thời gian nhận hồ sơ và xét tuyển

Nhận hồ sơ từ ngày 05/02/2024 đến ngày 31/12/2024;

(Đối với học sinh tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024, có thể nộp hồ sơ đăng ký trước và bổ sung Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT sau khi có kết quả).

7.3. Hình thức nhận hồ sơ:

- a. Nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện: Thí sinh nộp theo địa chỉ Phòng Đào tạo, Trường Đại học Hà Tĩnh, xã Cẩm Vịnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh;
- b. Nhận hồ sơ online: Thí sinh nộp hồ sơ online theo hướng dẫn của trường trên địa chỉ www.ts.htu.edu.vn hoặc truy cập mục tuyển sinh trên trang www.htu.edu.vn.

8. Xét tuyển sớm và dự kiến xét tuyển các đợt trong năm

8.1. Xét tuyển sớm.

- Tuyển sinh lần 1: tháng 2/2024
- Tuyển sinh lần 2: tháng 3/2024
- Tuyển sinh lần 3: tháng 4/2024
- Tuyển sinh lần 4: tháng 5/2024
- Tuyển sinh lần 5: tháng 6/2024
- Tuyển sinh lần 6: tháng 7/2024

8.2. Xét tuyển đợt 1

- Tuyển sinh: tháng 8/2024

8.3. Xét tuyển đợt bổ sung

- Tuyển sinh lần 1: tháng 9/2024

- Tuyển sinh lần 2: tháng 10/2024
- Tuyển sinh lần 3: tháng 11/2024
- Tuyển sinh lần 4: tháng 12/2024

9. Tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học: từ TC, CD, ĐH đối với người có bằng ĐH, từ TC lên CD ngành Giáo dục Mầm non

9.1. Đối tượng tuyển sinh

Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và bằng tốt nghiệp THPT; người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành; người có bằng tốt nghiệp trình độ CD trở lên.

9.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

9.3. Phương thức tuyển sinh: thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển

9.4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Thi tuyển do trường tổ chức: điểm các môn thi tối thiểu phải 5.0 điểm trở lên.
- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập năm lớp 12 THPT: điểm trung bình chung của các môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển không nhỏ hơn 5.0.
- Xét tuyển dựa vào kết quả tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học: tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng, hoặc trình độ đại học đạt loại trung bình trở lên.

9.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

9.5.1. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 THPT

Mã ngành, tổ hợp môn xét tuyển:

TT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp
1	Giáo dục Tiểu học	7140202	C04: Văn, Toán, Địa; C14: Văn, Toán, GDCD; B03: Toán, Sinh, Văn; D01: Văn, Toán, Anh.
2	Giáo dục mầm non	7140201	M00: Toán, Văn, NK(Độc diễn cảm-Hát); M01: Văn, NK1(Kể chuyện -Độc diễn cảm), NK2(Hát-Nhạc); M07: Văn, Địa, NK(Độc diễn cảm-Hát); M09: Toán, NK1(Kể chuyện-Độc DC), NK2(Hát-Nhạc).
3	Kế toán	7340301	A00: Toán, Lý, Hóa; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Văn, Toán, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh

TT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp
4	Luật	7380101	A00: Toán, Lý, Hóa; C00: Văn, Sử, Địa; D01: Văn, Toán, Anh; C14: Văn, Toán, GDCD.
5	Công nghệ thông tin	7480201	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh; A09: Toán, Địa, GDCD.
6	Thú y	7640101	A00: Toán, Lý, Hóa; B00: Toán, Hóa, Sinh; D07: Toán, Hóa, Anh; A09: Toán, Địa, GDCD.
7	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01: Văn, Toán, Anh; D15: Văn, Địa, Anh; D66: Văn, GDCD, Anh; D14: Văn, Sử, Anh.
8	Khoa học cây trồng	7620110	A00: Toán, Lý, Hóa; B00: Toán, Hóa, Sinh; B03: Toán, Sinh, Văn; D07: Toán, Hóa, Anh.
9	Kỹ thuật xây dựng	7580201	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh; A09: Toán, Địa, GDCD.

9.5.2. Xét tuyển dựa vào kết quả thi do trường tổ chức.

Trường tổ chức thi tuyển sinh liên thông riêng: tự ra đề thi và tổ chức thi tuyển.

Các môn thi tuyển sinh liên thông riêng bao gồm: môn cơ bản, môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành hoặc thực hành nghề.

9.5.3. Hồ sơ xét tuyển gồm:

- + Phiếu đăng ký tuyển sinh;
- + Bản sao học bạ trung học phổ thông;
- + Bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông;
- + Bản sao bằng tốt nghiệp Trung cấp (nếu liên thông từ trung cấp); Bản sao bằng tốt nghiệp Cao đẳng (nếu liên thông từ Cao đẳng), Bản sao bằng tốt nghiệp Đại học (nếu liên thông từ đại học).

9.5.4 Thời gian nhận hồ sơ và xét tuyển: từ ngày 06/02/2024 đến ngày 31/12/2024.

10. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

10.1. Xét tuyển: 20.000 đồng/hồ sơ;

10.2 Thi tuyển: 150.000 đồng/phần thi.